

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HS-ST

Ngày: 17 - 6 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiểu

Ông Lê Khắc Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quốc Chương, là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2026/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Hiệp T, sinh ngày 26/11/1995, tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng; Căn cước công dân: 068095000554, ngày cấp: 03/9/2024, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/4/2021, bị Công an thành phố G (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00623/QĐ-XPHC về hành vi “Cố ý gây thương tích” với số tiền 2.500.000 đồng, đã chấp hành xong, đã được xóa tiền sự; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2025, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh L. Có mặt.

- Người làm chứng: Bà Trần Hoàng Bảo T1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 12/12/2025, Nguyễn Hiệp T sử dụng điện thoại liên hệ với Trần Hoàng Bảo T1 (sinh năm 2000, thường gọi là Võ Đ) để hỏi mua ma túy, nhưng T1 trả lời đã nghỉ bán và không có ma túy. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Winner, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 48B1-490.12 đến nơi ở của T1 tại tổ dân phố A, phường B, tỉnh Lâm Đồng tiếp tục hỏi mua, nhưng T1 vẫn không có ma túy để bán. Tại đây, T gặp một người đàn ông tên C (chưa rõ nhân thân, lai lịch) và hỏi mua ma túy, được người này đồng ý. Hai bên thỏa thuận việc T dùng xe mô tô nêu trên để đổi lấy ma túy đã có giá trị tương đương 7.000.000 đồng. Sau đó, C điều khiển xe mô tô của T đi lấy ma túy. Một lúc sau, C quay lại và đưa cho T 01 túi nilon dạng zipper, miệng có sọc chỉ màu đỏ, bên trong chứa 02 túi zipper nhỏ chứa ma túy loại Methamphetamine. T đã viết giấy bán xe mô tô biển kiểm soát 48B1-490.12 giao cho C và nhờ người này chở về nhà tại tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi về nhà, T cất giấu số ma túy trên trong phòng ngủ nhằm mục đích sử dụng. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22/12/2025, T lấy một phần ma túy ra sử dụng bằng bộ dụng cụ có sẵn, số còn lại để trên cuốn sách đặt tại giường ngủ để tiếp tục sử dụng. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/12/2025, Nguyễn Hiệp T bị Công an phường Đ, tỉnh Lâm Đồng phát hiện, bắt quả tang và thu giữ các vật chứng có liên quan.

Tại phiếu xét nghiệm chất ma túy ngày 23/12/2025 của Công an phường Đ xác định: Nguyễn Hiệp T dương tính với chất ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 1770/KL-KTHS ngày 27/12/2025 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận:

- Mẫu chất màu nâu (ký hiệu M1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không đủ khối lượng để cân.

- Mẫu tinh thể (ký hiệu M2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,4680g (ba phẩy bốn sáu tám không gam), loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể (ký hiệu M2A) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,7851g (một phẩy bảy tám năm một gam), loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể (ký hiệu M3) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không đủ khối lượng để cân.

- Mẫu tinh thể (ký hiệu M4) được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không đủ khối lượng để cân.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIC, STT: 247, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã thu giữ trong quá trình bắt quả tang gồm:

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 ly thủy tinh, miệng được dán băng keo trong, có 02 lỗ: 01 lỗ gắn một đoạn ống hút nhựa, dài khoảng 10 cm và 01 lỗ gắn đoạn ống thủy tinh được uốn cong dài khoảng 10 cm, một đầu được uốn cong hình quả cầu có miệng bị vỡ hình dạng không xác định, bên trong có bám dính chất màu nâu; 01 gói nilon dạng túi Zipper, bên trong có: 01 túi zipper miệng sọc chỉ màu đỏ và 01 túi zipper miệng sọc chỉ màu cam có chứa tinh thể màu trắng; 02 đoạn ống hút nhựa bên trong bám dính chất ở dạng tinh thể màu trắng; 02 bật lửa (có đặc điểm như trong biên bản bắt quả tang).

Ngoài ra thu giữ 01 điện thoại di động do Nguyễn Hiệp T giao nộp (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Winner, màu trắng đỏ, biển kiểm soát 48B1-490.12 (đứng tên đăng ký là anh Y, sinh năm 1986, trú tại bon J, xã T, tỉnh Lâm Đồng), kết quả điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Hiệp T (T đã mua lại chiếc xe này của anh Y bằng giấy tờ viết tay và đã hoàn tất việc thanh toán tiền). T đã viết giấy mua bán xe với một người đàn ông tên C để đổi lấy ma túy và giao giấy tờ này cho Cu giữ. Đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch của Cu nên chưa có căn cứ để thu giữ.

Cáo trạng số 15/CT-VKSLDG-KV ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng, đã truy tố bị cáo Nguyễn Hiệp Thành về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điểm, khoản và điều luật áp dụng như Cáo trạng là đúng người, đúng pháp luật.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hiệp T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Hiệp T từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng

đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2025.

Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 4,7389 gam Methamphetamine (hoàn lại sau giám định), 02 gói nilon dạng túi zip, được niêm phong trong bì thư có chữ ký ghi họ tên “Phạm Thị D”, “Nguyễn Văn C1”, “Nguyễn Văn T2”, số “2”; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 ly thủy tinh, miệng được dán bằng keo trong, có hai lỗ: 01 lỗ gắn một đoạn ống hút nhựa, lỗ còn lại gắn một ống thủy tinh được uốn cong một đầu có dạng bầu tròn hở; 02 đoạn ống hút nhựa, được niêm phong trong bì thư có chữ ký ghi họ tên “Phạm Thị D”, “Nguyễn Văn C1”, “Nguyễn Văn T2”, số “1” và 02 bật lửa (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ).

- Đề nghị trả lại 01 điện thoại di động (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ) cho Nguyễn Hiệp T là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Hiệp T, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, ngày 20/4/2026, Công an phường Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000021/QĐ-XPHC đối với T bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Đối với việc Nguyễn Hiệp T khai nhận mua ma túy của người đàn ông tên C, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Đối với Trần Hoàng Bảo T1, kết quả điều tra xác định người này không có ma túy để bán cho Nguyễn Hiệp T và không tham gia, không có sự cấu kết với người đàn ông tên C trong việc mua bán ma túy. Do đó, không có căn cứ xem xét, xử lý đối với T1 trong vụ án này.

Đối với bà Nguyễn Thị N (mẹ của Nguyễn Hiệp T) không biết việc T cất giấu, sử dụng ma túy tại nhà nên không đề cập xử lý.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 23/12/2025, tại nhà ở tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng, Nguyễn Hiệp T đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 5,2531 gam ma túy, loại Methamphetamine để sử dụng. Do đó có đủ căn cứ pháp lý để kết luận bị cáo Nguyễn Hiệp T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

g) ... Methamphetamine ... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam;

...”

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Số lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ có khối lượng trên 5 gam (5,2531 gam) và bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cùng với nhân thân đã 1 lần bị xử phạt nhưng đã chấp hành xong và đã hết thời gian tính tiền sự nên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt để thể hiện pháp luật Nhà nước ta có sự xem xét mức độ, đánh giá giữa hành vi phạm tội và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân đề nghị mức án đối với bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

[7] Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 4,7389 gam Methamphetamine (hoàn lại sau giám định), 02 gói nilon dạng túi zip, được niêm phong trong bì thư có chữ ký ghi họ tên “Phạm Thị D”, “Nguyễn Văn C1”, Nguyễn Văn T2”, số “2”; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 ly thủy tinh, miệng được dán băng keo trong, có hai lỗ: 01 lỗ gắn một đoạn ống hút nhựa, lỗ còn lại gắn một ống thủy tinh được uốn cong một đầu có dạng bầu tròn hở; 02 đoạn ống hút nhựa, được niêm phong trong bì thư có chữ ký ghi họ tên “Phạm Thị D”, “Nguyễn Văn C1”, Nguyễn Văn T2”, số “1” và 02 bật lửa (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ) cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ) không liên quan đến phạm tội nên cần trả lại cho Nguyễn Hiệp T là chủ sở hữu hợp pháp.

[8] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Hiệp T, không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a của Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025, ngày 20/4/2026, Công an phường Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 000021/QĐ-XPHC đối với T bằng hình thức phạt tiền là phù hợp.

Đối với việc Nguyễn Hiệp T khai nhận mua ma túy của người đàn ông tên C, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa đủ căn cứ xử lý.

Đối với Trần Hoàng Bảo T1, kết quả điều tra xác định người này không có ma túy để bán cho Nguyễn Hiệp T và không tham gia, không có sự cầu kết với người đàn ông tên C trong việc mua bán ma túy. Do đó, không có căn cứ xem xét, xử lý đối với T1 trong vụ án này.

Đối với bà Nguyễn Thị N (mẹ của Nguyễn Hiệp T) không biết việc T cất giấu, sử dụng ma túy tại nhà nên không đề cập xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hiệp T phạm tội **“Tàng trữ trái phép chất ma túy”**.

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hiệp T **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/12/2025.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 4,7389 gam Methamphetamine (hoàn lại sau giám định), 02 gói nilon dạng túi zip, được niêm phong trong bì thư có chữ ký ghi họ tên “Phạm Thị D”, “Nguyễn Văn C1”, Nguyễn Văn T2”, số “2”; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 ly thủy tinh, miệng được dán băng keo trong, có hai lỗ: 01 lỗ gắn một đoạn ống hút nhựa, lỗ còn lại gắn một ống thủy tinh được uốn cong một đầu có dạng bầu tròn hở; 02 đoạn ống hút nhựa, được niêm phong trong bì thư có chữ ký ghi họ tên “Phạm Thị D”, “Nguyễn Văn C1”, Nguyễn Văn T2”, số “1” và 02 bật lửa.

- Trả lại 01 điện thoại di động cho Nguyễn Hiệp T là chủ sở hữu hợp pháp.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản V/v giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/5/2026 giữa Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Lâm Đồng).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Hiệp T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yên